**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HKI**

**Bài 7: Một số loại phân bón thường dùng trong trồng trọt**

**Câu 1.**Loại phân nào dùng chủ yếu để bón lót?

A. Phân đạm

B. Phân lân

C. Phân kali

D. Phân tổng hợp

**Câu 2.**Loại phân hóa học nào khó tan?

A. Phân đạm

B. Phân kali

C. Phân vi lượng

D. Phân lân

**Câu 3.**Có mấy loại phân bón được đề cập đến trong bài học?

A. 1                                           B. 2

C. 3                                           D. 4

**Câu 4**. Loại phân nào khi đốt có mùi khai?

A. Phân đạm

B. Phân lân

C. Phân kali

D. Phân lân, phân kali

**Câu 5.**Loại phân nào cần lưu ý không chồng nhiều bao lên nhau?

A. Phân bón dạng viên, viên nén

B. Phân bón dạng bột

C. Phân chuồng

D. Phân vi sinh

**Câu 6.**Phân hữu cơ không có đặc điểm nào sau đây:

A. Nhiều chất dinh dưỡng

B. Màu nâu đỏ

C. Xốp

D. Cần thời gian để phân hủy thành chất hòa tan

**Câu 7.**Trên bao bì phân tổng hợp NPK ghi “tỉ lệ % của đạm, lân, kali là 16-16-8, trọng lượng tịnh 50 kg”. Vậy cần bón 96kg đạm, 96kg lân và 48kg kali thì cần phải bón bao nhiêu phân NPK16-16-8:

A. 400kg NPK

B. 500kg NPK

C. 600kg NPK

D. 700kg NPK

**Câu 8.**Phân bón hóa học sử dụng nguồn nguyên liệu nào

A. Tự nhiên

B. Tổng hợp

C. Tự nhiên hoặc tổng hợp

D. Bán tự nhiên

**Câu 9.**Loại phân bón nào làm cho đất bị thoái hoá?

A. Phân bón hóa học

B. Phân bón hữu cơ

C. Phân bón vi sinh

D. Phân hóa học và phân vi sinh

**Câu 10.**Phân kali có màu gì?

A. Trắng

B. Xám đen

C. Nâu tím

D. Nâu đỏ

**Câu 11.**Phân lân có màu gì?

A. Trắng

B. Xám đen

C. Nâu tím

D. Nâu đỏ

**Câu 12.**Cách bón phân vi sinh nào sau đây không đúng?

A. Bón thúc

B. Bón rải đều trên khu vực đất chuẩn bị gieo trồng

C. Bón rải xung quanh gốc cây

D. Bón lót

**Câu 13.**Vì sao không trộn phân vi sinh với phân hoá học hay tro bếp?

A. Vì sẽ làm giảm hàm lượng dinh dưỡng

B. Vì sẽ làm tăng hàm lượng dinh dưỡng

C. Vì sẽ làm chết VSV

D. Vì khi bón sẽ làm chết cây

**Câu 14.**Phân bón hoá học giúp:

A. Cải tạo đất

B. Cung cấp chất dinh dưỡng cho cây

C. Tăng khả năng giữ nước cho đất

D. Cải thiện hệ vi sinh vật có lợi

**Câu 15.**Loại phân hóa học dễ tan là:

A. Phân đạm

B. Phân kali

C. Phân đạm, kali

D. Phân lân

**Câu 16.**Trên bao bì phân tổng hợp NPK ghi “tỉ lệ % của đạm, lân, kali là 20-20-15, trọng lượng tịnh 50 kg”. Vậy cần bón 100kg đạm, 100kg lân và 75kg kali thì cần phải bón bao nhiêu phân NPK20-20-15:

A. 500kg NPK B. 600kg NPK

C. 700kg NPK D. 800kg NPK

**Câu 17.** Khi bón phân hóa học cần đảm bảo mấy nguyên tắc?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

**Câu 18.** Nguyên tắc đầu tiên khi bón phân hóa học là gì?

A. Lựa chọn loại phân bón phù hợp.

B. Bón đúng thời điểm và đúng liều lượng.

C. Cần cân nhắc đến yếu tố thời tiết, khí hậu.

D. Phải pha loãng phân với nước cho tan hết

**Câu 19.** Nguyên tắc thứ hai khi bón phân hóa học là gì?

A. Lựa chọn loại phân bón phù hợp.

B. Bón đúng thời điểm và đúng liều lượng.

C. Cần cân nhắc đến yếu tố thời tiết, khí hậu.

D. Phải tưới nước trước khi bón phân

**Câu 20.** Nguyên tắc thứ ba khi bón phân hóa học là gì?

A. Lựa chọn loại phân bón phù hợp.

B. Bón đúng thời điểm và đúng liều lượng.

C. Cần cân nhắc đến yếu tố thời tiết, khí hậu.

D. Phải bón nhiều phân kali hơn đạm và lân

**Bài 8: Ứng dụng công nghệ hiện đại trong sản xuất phân bón**

**Câu 1.**Có mấy công nghệ hiện đại được ứng dụng trong sản xuất phân bón?

A. 1        B. 2

C. 3      D. 4

**Câu 2.**Đâu là công nghệ hiện đại được ứng dụng trong sản xuất phân bón?

A. Công nghệ vi sinh

B. Công nghệ nano

C. Công nghệ sản xuất phân tan chậm có kiểm soát

D. Cả 3 đáp án

**Câu 3.**Có mấy chủng vi sinh vật sử dụng phổ biến?

A. 1        B. 2

C. 3        D. 4

**Câu 4.**Đâu không phải là chủng vi sinh vật được sửu dụng phổ biến trong trồng trọt?

A. Nhóm vi sinh vật cố định đạm

B. Nhóm vi sinh vật chuyển hóa lân

C. Nhóm vi sinh vật phân giải cellulose

D. Nhóm vi sinh vật có hại

**Câu 5**. Nhược điểm của phân hữu cơ vi sinh là:

A. Tăng lượng mùn trong đất

B. Tăng độ phì nhiêu cảu đất

C. Cân bằng pH

D. Bảo quản phức tạp, hạn sử dụng ngắn

**Câu 6.**Hiệu quả sử dụng của phân hữu cơ vi sinh so với phân hóa học:

A. Nhanh hơn

B. Chậm hơn

C. Như nhau

D. Không xác định

**Câu 7.**Phân hữu cơ vi sinh có giá thành:

A. Cao

B. Thấp

C. Vừa phải

D. Không xác định

**Câu 8.**Ưu điểm của phân hữu cơ vi sinh là:

A. Hiệu quả chậm

B. Bảo quản phức tạp

C. Hạn sử dụng ngắn

D. Tăng độ phì nhiêu cho đất

**Câu 9.**Cấu tạo lớp vỏ bọc của phân bón tan chậm có kiểm soát là gì?

A. Là lớp polymer sinh học mỏng

B. Là lớp polymer sinh học dày

C. Là các lớp polymer sinh học với độ dày khác nhau

D. Là các nguyên tố dinh dưỡng như N, P, K, Mn, Bo, Cu

**Câu 10.**Phần nhân của phân bón tan chậm có kiểm soát là gì?

A. Là các lớp polymer sinh học với độ dày khác nhau.

B. Là các nguyên tố dinh dưỡng như N, P, K, Mn, Bo, Cu

C. Là lớp polymer sinh học mỏng

D. Là lớp polymer sinh học rất dày

**Câu 11.** Các chất dinh dưỡng trong phân bón tan chậm có kiểm soát sẽ tan khi nào?

A. Nồng độ dung dịch đất tăng

B. Nồng độ dung dịch đất giảm

C. Khi không có nước trong đất

D. Khi có nước trong đất

**Câu 12.**Ưu điểm của phân bón tan chậm có kiểm soát:

A. Giá thành sản xuất cao

B. Giá bán cao

C. Chủng loại chưa đa dạng

D. Tiết kiệm công bón

**Câu 13.**Nhược điểm của phân bón tan chậm có kiểm soát là:

A. Giảm thiểu sự rửa trôi

B. Giảm thiểu sự bay hơi

C. Tiết kiệm công bón

D. Chủng loại chưa đa dạng

**Câu 14.**So với phân bón thông thường, phân bón tan chậm có kiểm soát giảm lượng phân bón khoảng:

A. 20%

B. 40- 60%

C. 80%

D. 40%

**Câu 15.**Phân bón tan chậm có kiểm soát không có vai trò nào sau đây?

A. Hạn chế ô nhiễm mạch nước ngầm

B. Hạn chế ô nhiễm không khí

C. Hạn chế thoái hóa đất

D. Hạn chế sâu bệnh hại cây trồng

**Câu 16.** Công nghệ nano là công nghệ sản xuất vật liệu ở kích thước như thế nào ?

A. Siêu lớn

B. Siêu nhỏ

C. Trung bình

D. Đa kích thước

**Câu 17.** Phân bón Nano được làm từ gì ?

A. Vật liệu nano

B. Phương pháp hoá học

C. Phương pháp lí học

D. Phân động vật, than bùn, lá cây

**Câu 18.** Nguyên lí sản xuất phân bón nano gồm mấy bước ?

A. 3 B. 6

C. 5 D. 4

**Câu 19.** Ưu điểm của phân bón nano là gì ?

A. Không ảnh hưởng đến sức khoẻ người dùng

B. Hấp thu dinh dưỡng với tỉ lệ thấp

C. Dễ sử dụng, giá thành rẻ

D. Dễ phân tán, bám dính, hấp thụ dinh dưỡng cao, có tính thấm sâu

**Câu 20.** Nhược điểm của phân bón nano là gì ?

A. Bón phân ít nhưng vẫn gây lãng phí phân bón

B. Gây ảnh hưởng xấu không đáng kể đến sức khoẻ người tiêu dung

C. Tồn dư kim loại nặng trong nông sản, giá thành cao

D. Khó xuyên qua vách tế bào của thực vật, diện tích bề mặt tiếp xúc nhỏ

**Bài 9: Giống cây trồng**

**Câu 1.**Có mấy loại giống cây trồng?

A. 1       B. 2

C. 3       D. 4

**Câu 2.**Giống cây trồng có mấy đặc điểm?

A. 1       B. 2

C. 3       D. 4

**Câu 3.** Đâu không phải là loại giống cây trồng?

A. Giống cây nông nghiệp

B. Giống cây dược liệu, cây cảnh

C. Giống cây nấm ăn

D. Giống cây phân xanh

**Câu 4.**Cây trồng nào sau đây nhân giống bằng hạt?

A. Cây đậu

B. Cây mía

C. Cây lá lỏng

D. Cây mai

**Câu 5.**Cây trồng nào sau đây nhân giống bằng thân?

A. Cây đậu

B. Cây mía

C. Cây lá lỏng

D. Cây mai

**Câu 6.**Cây trồng nào sau đây nhân giống bằng lá?

A. Cây đậu

B. Cây mía

C. Cây lá lỏng

D. Cây mai

**Câu 7.**Cây trồng nào sau đây nhân giống bằng rễ?

A. Cây đậu

B. Cây mía

C. Cây lá lỏng

D. Cây mai

**Câu 8.**Giống lúa những năm gần đây có thế lá như thế nào?

A. Thế lá đa chiều

B. Thế lá xụ xuống

C. Thế lá ngang

D. Thế lá đứng

**Câu 9.**Giống cây trồng bị kiểm soát bởi yếu tố nào?

A. Gen và môi trường

B. Môi trường và sâu hại

C. Gen và bệnh hại

D. Sâu hại và bệnh hại

**Câu 10.**Giống cây trồng không có vai trò nào sau đây?

A. Tăng năng suất cây trồng, hạn chế sâu bệnh và yếu tố bất lợi của môi trường

B. Tăng số vụ trong năm, luân canh cây trồng

C. Dễ cơ giới hóa

D. Tăng giá thành

**Bài 10: Phương pháp chọn, tạo giống cây trồng**

**Câu 1:** Chọn khái niệm đúng về lai hữu tính:

A. Lai hữu tính là sự giao phối giữa 2 hay nhiều bố mẹ khác loài, nhằm tạo ra các con lai mang nhiều tính trạng tốt của bố mẹ

B. Lai hữu tính là sự giao phối giữa 2 hay nhiều bố mẹ khác loài, nhằm tạo ra các con lai mang nhiều tính trạng xấu của bố mẹ

C. Lai hữu tính là sự giao phối giữa 2 hay nhiều bố mẹ khác giống, nhằm tạo ra các con lai mang nhiều tính trạng tốt của bố mẹ

D. Lai hữu tính là sự giao phối giữa 2 hay nhiều bố mẹ khác giống, nhằm tạo ra các con lai mang nhiều tính trạng xấu của bố mẹ

**Câu 2.** Thế nào là tạo giống cây trồng?

A. Là cách hình thành giống mới từ những nguồn vật liệu đã đi qua việc thay đổi vật chất trong tế bào

B. Là cách hình thành giống mới từ những nguồn vật liệu chưa qua việc thay đổi vật chất trong tế bào

C. Là cách hình thành giống mới từ những nguồn vật liệu

D. Là việc thay đổi vật chất di truyền

**Câu 3.**Thế nào là giống gốc?

A. Là giống ban đầu trước khi được chọn lọc.

B. Là giống cùng loài đó được trồng phổ biến tại địa phương

C. Là giống biểu hiện tính trạng vượt trội của con lai F1 so với bố mẹ chúng.

D. Là giống ban dầu trước khi được tạo giống mới.

**Câu 4.**Thế nào là giống đối chứng?

A. Là giống ban đầu trước khi được chọn lọc.

B. Là giống cùng loài đó được trồng phổ biến tại địa phương

C. Là giống biểu hiện tính trạng vượt trội của con lai F1 so với bố mẹ chúng.

D. Là giống ban dầu trước khi được tạo giống mới.

**Câu 5.**Thế nào là giống ưu thế lai?

A. Là giống ban đầu trước khi được chọn lọc.

B. Là giống cùng loài đó được trồng phổ biến tại địa phương

C. Là giống biểu hiện tính trạng vượt trội của con lai F1 so với bố mẹ chúng.

D. Là giống ban dầu trước khi được tạo giống mới.

**Câu 6.**Có mấy phương pháp chọn giống cây trồng?

A. 1       B. 2

C. 3       D. 4

**Câu 7.**Điểm khác nhau của phương pháp chọn lọc cá thể đối với chọn lọc hỗn hợp là gì?

A. Không tạo ra nhiều sự khác biệt so với giống gốc

B. Dễ thực hiện hơn

C. Gieo trồng riêng rẽ các cá thể qua các mùa vụ

D. Trộn tất cả hạt gieo trồng chung

**Câu 8.**Có mấy phương pháp tạo giống cây trồng?

A. 1       B. 2

C. 3       D. 4

**Câu 9.**Đâu không phải là ưu điểm của phương pháp chọn lọc hỗn hợp:

A. Nhanh đạt mục tiêu chọn giống

B. Dễ thực hiện

C. Tạo ra nhiều sự khác biệt so với giống gốc

D. Tốn nhiều thời gian

**Câu 10.**Nhược điểm của phương pháp chọn lọc hỗn hợp là:

A. Chậm đạt mục tiêu chọn giống

B. Khó thực hiện

C. Không tạo ra nhiều sự khác biệt so với giống gốc

D. Không áp dụng được cho cây giao phấn

**Câu 11. Ư**u điểm của phương pháp chọn lọc cá thể là?

A. Tạo ra sự khác biệt rõ rệt theo mục tiêu chọn giống

B. Tốn ít thời gian

C. Không tốn diện tích đất

D. Dễ thực hiện

**Câu 12.**Đâu không phải là nhược điểm của phương pháp chọn lọc cá thể?

A. Không tạo ra sự khác biệt rõ rệt theo mục tiêu chọn giống

B. Tốn nhiều thời gian

C. Tốn diện tích đất

D. Không áp dụng được cho cây giao phấn

**Câu 13.**Đối tượng áp dụng của phương pháp chọn lọc hỗn hợp:

A. Cây nhân giống vô tính

B. Cây tự thụ phấn

C. Cây giao phấn

D. Hầu hết các loại cây trồng

**Câu 14.**Đối tượng áp dụng của phương pháp chọn lọc cá thể:

A. Cây nhân giống vô tính

B. Cây tự thụ phấn

C. Cây giao phấn và cây nhân giống vô tính

D. Cây nhân giống vô tính và cây tự thụ phấn

**Câu 15.**Đối tượng áp dụng của ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn giống cây trồng:

A. Cây nhân giống vô tính

B. Cây tự thụ phấn

C. Cây giao phấn

D. Cây tự thụ phấn và cây giao phấn

**Câu 16:** Sắp xếp qui trình tạo giống cây đột biến gen theo thứ tự chính xác:

A. Xử lí mẫu Xử lí bằng tác nhân gây đột biến Chọn lọc Tạo giống mới

B. Chọn lọc Xử lí bằng tác nhân gây đột biến Tạo giống mới Xử lí mẫu

C. Xử lí bằng tác nhân gây đột biến Chọn lọc Xử lí mẫu Tạo giống mới

D. Tạo giống mới Chọn lọc Xử lí mẫu Xử lí bằng tác nhân gây đột biến

**Câu 17.**Thế nào là vật liệu khởi đầu?

A. Là giống ban đầu trước khi được chọn lọc.

B. Là giống ban đầu trước khi tạo giống mới.

C. Là giống biểu hiện tính trạng vượt trội của con lai F1 so với bố mẹ chúng.

D. Là giống cây trồng được sử dụng để tạo ra giống mới.

**Câu 18**. Tạo giống cây trồng bằng phương pháp lai hữu tính là?

A. Là sự giao phối giữa bố và mẹ khác giống nhằm tạo con lai mang tính trạng tốt của bố mẹ

B. Là dùng tác nhân làm thay đổi cấu trúc hóa học của AND, kết hợp với chọn lọc

C. Kết hợp gen của loài này vào gen của loài khác bằng cách chuyển AND tái tổ hợp

D. Là dùng tác nhân làm tăng độ bội của nhiễm sắc thể để tạo ra cây tam bội, tứ bội,…

**Câu 19**. Tạo giống cây trồng bằng phương pháp đột biến gen là?

A. Là sự giao phối giữa bố và mẹ khác giống nhằm tạo con lai mang tính trạng tốt của bố mẹ

B. Là dùng tác nhân làm thay đổi cấu trúc hóa học của AND, kết hợp với chọn lọc

C. Kết hợp gen của loài này vào gen của loài khác bằng cách chuyển AND tái tổ hợp

D. Là dùng tác nhân làm tăng độ bội của nhiễm sắc thể để tạo ra cây tam bội, tứ bội,…

**Câu 20**. Tạo giống cây trồng bằng phương pháp đa bội thể là?

A. Là sự giao phối giữa bố và mẹ khác giống nhằm tạo con lai mang tính trạng tốt của bố mẹ

B. Là dùng tác nhân làm thay đổi cấu trúc hóa học của AND, kết hợp với chọn lọc

C. Kết hợp gen của loài này vào gen của loài khác bằng cách chuyển AND tái tổ hợp

D. Là dùng tác nhân làm tăng độ bội của nhiễm sắc thể để tạo ra cây tam bội, tứ bội,…

**Câu 21**. Tạo giống cây trồng bằng phương pháp chuyển gen là?

A. Là sự giao phối giữa bố và mẹ khác giống nhằm tạo con lai mang tính trạng tốt của bố mẹ

B. Là dùng tác nhân làm thay đổi cấu trúc hóa học của AND, kết hợp với chọn lọc

C. Kết hợp gen của loài này vào gen của loài khác bằng cách chuyển AND tái tổ hợp

D. Là dùng tác nhân làm tăng độ bội của nhiễm sắc thể để tạo ra cây tam bội, tứ bội,…

**Câu 22.** Tác nhân làm đột biến gen là?

A. Tia phóng xạ, chất hóa học

B. Thay đổi nhiệt độ đột ngột, hóa chất

C. Vi khuẩn, súng bắn gen, plasmid

D. Ánh sáng, nước

**Câu 23.** Tác nhân ảnh hưởng mạnh tạo nên đa bội thể là?

A. Tia phóng xạ, chất hóa học

B. Thay đổi nhiệt độ đột ngột, hóa chất

C. Vi khuẩn, súng bắn gen, plasmid

D. Ánh sáng, nước

**Câu 24.** Công cụ chuyển gen là?

A. Tia phóng xạ, chất hóa học

B. Thay đổi nhiệt độ đột ngột, hóa chất

C. Vi khuẩn, súng bắn gen, plasmid

D. Ánh sáng, nước

**Câu 25.** Ngô, đậu tương, bông vải được chuyển gen nhằm mục đích gì?

A. Kháng thuốc trừ cỏ

B. Kháng sâu đục thân

C. Kháng bệnh vàng lá gân xanh

D. Kháng côn trùng

**Câu 26.** Cây giống tạo ra bằng phương pháp chuyển gen được gọi là?

A. Cây trồng kháng bệnh

B. Cây trồng biến đổi gen

C. Cây trồng chuyển đổi gen

D. Cây trồng tái tổ hợp

**Câu 27.** Phương pháp tạo gen nào có tỉ lệ giống bất dục cao?

A. Phương pháp lai hữu tính

B. Phương pháp đột biến gen

C. Phương pháp đa bội thể

D. Phương pháp chuyển gen

**Câu 28.** Phương pháp tạo gen nào cần kĩ thuật cao và thiết bị phức tạp?

A. Phương pháp lai hữu tính

B. Phương pháp đột biến gen

C. Phương pháp đa bội thể

D. Phương pháp chuyển gen

**Câu 29.** Phương pháp tạo gen nào khó loại bỏ tính trạng không mong muốn?

A. Phương pháp lai hữu tính

B. Phương pháp đột biến gen

C. Phương pháp đa bội thể

D. Phương pháp chuyển gen

**Câu 30.** Phương pháp tạo gen nào có tỉ lệ biến dị có lợi thấp?

A. Phương pháp lai hữu tính

B. Phương pháp đột biến gen

C. Phương pháp đa bội thể

D. Phương pháp chuyển gen